



Khoa Tài Chính Doanh Nghiệp  
Bộ môn Tài Chính Quốc Tế

## TÀI CHÍNH QUỐC TẾ

### Bài 3: Mối quan hệ giữa LP – LS & TG

*International Finance - 2006*

---

---

---

---


---

---

---

### LÝ THUYẾT NGANG GIÁ SỨC MUA (PPP)

Một trong những lý thuyết nổi tiếng nhất và gây nhiều tranh cãi nhất trong tài chính quốc tế.



---

---

---

---


---

---

---

Lý thuyết ngang giá sức mua phân tích mối quan hệ giữa lạm phát và tỷ giá hối đoái, bao gồm 2 hình thức :

1. Ngang giá sức mua tuyệt đối
2. Ngang giá sức mua tương đối



---

---


---

---

---


---

---



### NGANG GIÁ SỨC MUA TUYỆT ĐỐI

- ➡ Hình thức Ngang giá sức mua tuyệt đối còn được gọi là **Luật một giá**.
- ➡ Luật một giá được xây dựng dựa trên giả định **thị trường cạnh tranh hoàn hảo**.



---

---

---

---

---

---

---

### THỊ TRƯỜNG CẠNH TRANH HOÀN HẢO LÀ GÌ ?

---

---

---

---

---

---

---

### THỊ TRƯỜNG CẠNH TRANH HOÀN HẢO

- Không có chi phí giao dịch, chi phí vận tải
- Hoạt động thương mại tự do, không có sự can thiệp của chính phủ bằng các hàng rào thuế quan, bảo hộ mậu dịch v.v.

---

---

---

---

---

---

---

NGANG GIÁ SỨC MUA TUYỆT ĐỐI

Hình thức tuyệt đối (*luật một giá*) cho rằng giá cả của các sản phẩm giống nhau của hai nước khác nhau sẽ bằng nhau khi được tính bằng một đồng tiền chung.

Và nếu có một sự chênh lệch trong giá cả khi được tính bằng một đồng tiền chung thì mức cầu sẽ dịch chuyển để các giá cả này trở nên cân bằng.

---

---

---

---

---

---

---

PHÒNG PHAUỖP BURGERNOMIC

Các nhà kinh tế học sử dụng chiếc bánh Hamburger của Mc’Donald làm hàng hóa chuẩn để so sánh giá cả hàng hóa ở các nước.

Phương pháp này được gọi là “Burgernomic” và ngang giá sức mua của Hamburger được gọi là Big Mac PPP.

---

---

---

---

---

---

---

The hamburger standard

	Big Mac price in dollars*	Implied PPP of the dollar	Under (1) over (2) valuation against the dollar, %
United States†	2.40	-	-
Argentina	1.48	1.50	-49
Australia	2.27	1.32	-12
Brazil	1.70	1.86	-43
Britain	1.37	1.54	+18
Canada	2.33	1.10	-20
China	2.18	2.81	-19
China	1.26	2.59	-57
Czech Rep.	2.11	19.5	-27
Denmark	4.48	9.53	+54
Egypt	1.82	3.45	-44
Euro area	3.28**	1.06	+13
Hong Kong	3.54	4.14	-17
Hungary	1.52	183	-13
Indonesia	1.77	5.552	-19
Japan	2.33	80.3	-20
Malaysia	1.31	1.24	-54
Mexico	2.08	8.28	-28
New Zealand	2.45	1.50	-8
Persia	2.57	3.10	-11
Philippines	1.21	23.8	-57
Poland	1.81	2.17	-44
Russia	1.45	1.50	-50
Singapore	1.82	1.54	-34
South Africa	1.84	4.28	-36
South Korea	2.72	1.109	-8
Sweden	3.94	10.3	-18
Switzerland	4.90	2.17	+89
Taiwan	2.24	25.8	-23
Thailand	1.43	20.3	-50
Turkey	2.58	1,382,000	-11
Venezuela	1.48	1,517	-49
Africa	2.28	1.41	-21
Bahrain	1.37	107.1	-53
Bulgaria	1.85	1.03	-36
Colombia	2.15	224.1	-19
Costa Rica	2.81	380	-10
Croatia	2.42	5.14	-17
Hong Kong	1.82	20.7	-54
Estonia	2.27	10.2	-22
Fiji	2.35	1.47	-19
Georgia	1.80	1.29	-34
Ghana	2.01	5.52	-11
Honduras	1.88	12.4	-32
Israel	6.01	19.1	-107
Kenya	1.88	39.0	-35
Jordan	3.65	0.89	-26
Kuwait	7.33	0.74	-153
Latvia	2.00	0.38	-131
Latvia	2.84	1483	-2
Lithuania	2.26	2.24	-22
Malta	1.40	2.85	-52
Moldova	1.84	32.8	-36
Moldova	1.83	7.83	-33
Moldova	1.83	0.82	-91
Morocco	2.15	11.9	-95
Norway	5.18	12.2	-79
Pakistan	1.90	37.9	-34
Saudi Arabia	0.64	0.83	-78
Slovakia	1.98	22.8	-12
Slovenia	2.42	168	-17
Sri Lanka	1.41	48.3	-51
Ukraine	1.36	2.50	-53
Ukraine	1.67	0.84	-177
Uruguay	1.00	10.3	-65

©2008 (2008/02). Data for the countries before are not provided for partial editions of The Economist.

\*All current exchange rates (purchasing power parity) (Source of New York, Chicago, San Francisco and Atlanta (purchasing power parity) \*\*Big Mac average of member countries †1990s per euro

Source: Economist, The Economist

---

---

---

---

---

---

---

NGANG GIÁ SỨC MUA TƯƠNG ĐỐI

**Hình thức tương đối** của lý thuyết Ngang giá sức mua giải thích cho khả năng bất hoàn hảo của thị trường như chi phí vận chuyển, thuế quan và hạn ngạch v.v...

Hình thức này cho rằng do các điều kiện bất hoàn hảo của thị trường nên giá cả của những sản phẩm giống nhau ở các nước khác nhau sẽ không nhất thiết bằng nhau khi được tính bằng một đồng tiền chung.

---

---

---

---

---

---

---

Theo hình thức này, **tỷ lệ thay đổi trong giá cả sản phẩm sẽ phần nào giống nhau khi được tính bằng một đồng tiền chung**, miễn là chi phí vận chuyển và các hàng rào mậu dịch không thay đổi.

Chỉ số giá được tính dựa trên một “rổ hàng hóa”, rổ hàng hóa này bao gồm các sản phẩm chủ yếu của một nền kinh tế.

---

---

---

---

---

---

---

Nếu gọi  **$e_f$**  là phần trăm thay đổi giá trị của đồng ngoại tệ.

Theo lý thuyết ngang giá sức mua, **phần trăm thay đổi giá trị của đồng ngoại tệ sẽ thay đổi để duy trì ngang giá** trong chỉ số giá cả mới của cả hai nước.

$$e_f = \frac{(1 + I_h)}{(1 + I_f)} - 1 \approx I_h - I_f$$

---

---

---

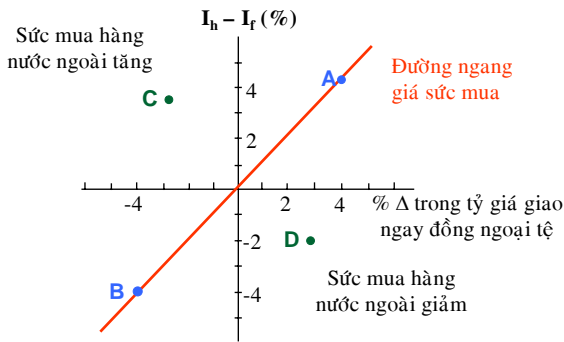
---

---

---

---

Phân tích ngang giá sức mua bằng đồ thị



---

---

---

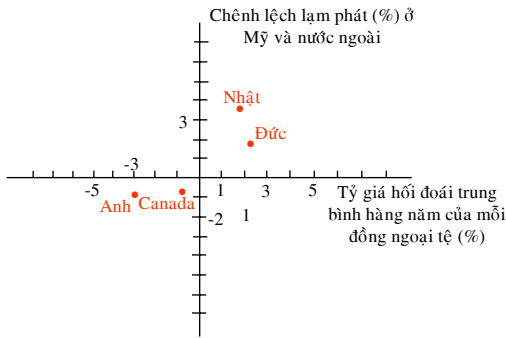
---

---

---

---

Kiểm định hiệu lực của lý thuyết ngang giá sức mua



---

---

---

---

---

---

---

Dùng Ngang giá sức mua để dự báo tỷ giá

$$S_{t+1} = S_t \left[ 1 + \frac{(1 + I_h)}{(1 + I_f)} - 1 \right]$$

Công thức gần đúng là:

$$S_{t+1} = S_t [1 + (I_h - I_f)]$$

---

---


---

---

---

---

---



### Tỷ giá hối đoái thực

**Tỷ giá thực** là một chỉ số của sức mua khi chuyển đổi đồng nội tệ ra ngoại tệ. Sức mua phản ánh giá trị của hàng hóa nước ngoài có thể mua.

$$S^*_t = \frac{S_t}{P_h / P_f}$$

$S_t$  : Tỷ giá giao ngay của ngoại tệ so với đô la  
 $P_h$  : Mức giá trong nước  
 $P_f$  : Mức giá nước ngoài

---

---

---

---

---

---

---

### HIEÀU ÒÙNG FISHER QUÁC TEÁ

- **Lý thuyết hiệu ứng Fisher quốc tế – IFE** sử dụng lãi suất để giải thích tại sao tỷ giá hối đoái thay đổi theo thời gian.
- **Lý thuyết IFE** có liên quan mật thiết với lý thuyết ngang giá sức mua vì lãi suất thường có mối quan hệ với tỷ lệ lạm phát.

*Chênh lệch lãi suất giữa các quốc gia có thể là kết quả chênh lệch trong lạm phát.*

---

---

---

---

---

---

---

Tỷ suất sinh lợi thực của các nhà đầu tư khi đầu tư vào chứng khoán, thị trường tiền tệ nước ngoài tùy thuộc không chỉ vào lãi suất nước ngoài ( $i_f$ ) mà còn vào phần trăm thay đổi trong giá trị của ngoại tệ ( $e_f$ ).

Công thức tính tỷ suất sinh lợi thực sự (đã điều chỉnh theo tỷ giá hối đoái) gọi là **tỷ suất sinh lợi có hiệu lực** :

$$r = (1 + i_f)(1 + e_f) - 1$$

---

---

---

---

---

---

---

Theo lý thuyết hiệu ứng Fisher quốc tế, *tỷ suất sinh lợi từ đầu tư trong nước tính trung bình sẽ bằng tỷ suất sinh lợi có hiệu lực từ đầu tư nước ngoài*. Tức là:

→  $r = i_h$

→  $r_f = (1 + i_f)(1 + e_f) - 1 = i_h$

→  $e_f = \frac{(1 + i_h)}{(1 + i_f)} - 1 \approx i_h - i_f$

---

---

---

---

---

---

---



- Khi  $i_h > i_f$  thì  $e_f > 0$  nghĩa là đồng ngoại tệ sẽ tăng giá khi lãi suất nước ngoài thấp hơn lãi suất trong nước.
- Khi  $i_h < i_f$  thì  $e_f < 0$  nghĩa là đồng ngoại tệ sẽ giảm giá khi lãi suất nước ngoài cao hơn lãi suất trong nước.

---

---

---

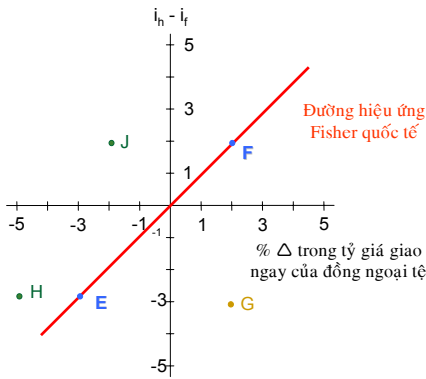
---

---

---

---

Phân tích hiệu ứng Fisher quốc tế bằng đồ thị



---

---

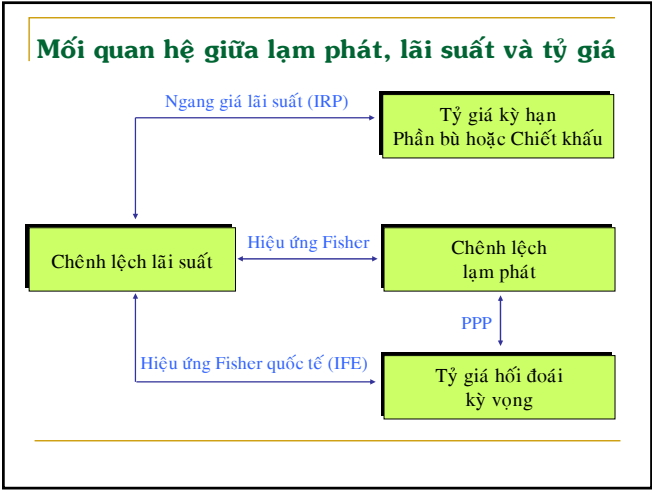
---

---

---

---

---



---

---

---

---

---

---

---